

Chương 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO

ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG (2-1930)

1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Tình hình thế giới những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược, biến các dân tộc nhỏ yếu thành thuộc địa của chúng. Sự áp bức và thôn tính của chủ nghĩa đế quốc càng tăng, mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và thực dân đế quốc ngày càng gay gắt. Phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa trở thành vấn đề mang tính thời đại. Điều này đã tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới và tác động mạnh mẽ đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Điều đó làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa liên hệ chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh cùng chống kẻ thù chung.

Tháng 3-1919, Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản không những vạch ra phương hướng chiến lược cho cách mạng vô sản, mà còn giúp đỡ, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa phát triển. Năm 1920, tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản, Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lênin được thông qua, với khẩu hiệu: Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại. Luận cương đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức. Tình hình thế giới đầy biến động đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam.

b. Tình hình trong nước

Là một nước phong kiến lạc hậu có vị trí địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam là một trong những mục tiêu xâm lược của thực dân Pháp. Đêm ngày 31-8, rạng ngày 1-9-1858, thực dân Pháp chính thức nổ súng đánh chiếm Việt Nam bằng cuộc tấn công vào bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng. Trước sức ép của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn từng bước khuất phục và đầu hàng. Ngày 6-6-1884, nhà Nguyễn ký kết với Pháp Hiệp ước Partonôt, thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Sau khi hoàn thành công cuộc xâm lược và bình định vũ trang, thực dân Pháp tiến hành các cuộc khai thác thuộc địa. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam biến chuyển trên tất cả mọi lĩnh vực:

Về chính trị, Pháp thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề. Mọi quyền hành đều tập trung trong tay các viên quan cai trị người Pháp, vua quan Nam triều trở thành bù nhìn, tay sai. Chúng bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, thi hành triệt để chính sách chia để trị. Xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến độc lập trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Về kinh tế, thực dân Pháp đã tiến hành hai cuộc khai thác thuộc địa với quy mô lớn (lần thứ nhất từ 1897-1914, lần hai từ 1919-1929). Âm mưu của Pháp là nhằm biến Việt Nam và Đông Dương thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của “chính quốc”, nơi vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thực hiện triệt để chính sách văn hóa nô dịch, “ngu dân” để dễ cai trị, gây tâm lý tự ti vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đòi phong bại tục, mở nhà tù nhiều hơn trường học; cấm đoán mọi hoạt động yêu nước của nhân dân; bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam.

Dưới áp bức của thực dân Pháp, các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau, và do đó cũng có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh của dân tộc.

Giai cấp địa chủ phong kiến là giai cấp tồn tại từ rất lâu trong xã hội Việt Nam. Giai cấp địa chủ bị phân hóa thành ba bộ phận: tiểu, trung và đại địa chủ. Một bộ phận địa chủ câu kết với thực dân Pháp và làm tay sai cho Pháp, bộ phận còn lại nêu cao tư tưởng dân tộc khởi xướng và lãnh đạo các phong trào chống Pháp.

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất, khoảng hơn 90% dân số. Đồng thời là một giai cấp bị phong kiến, thực dân bóc lột nặng nề nhất. Vì thế, đây là lực lượng có tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất và khao khát giành lại độc lập và ruộng đất nên khi được tổ chức lại và có lực lượng tiên phong lãnh đạo sẽ phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Giai cấp công nhân được hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XIX, gắn với các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Giai cấp công nhân Việt Nam khi mới ra đời chỉ chiếm khoảng 1% dân số, sống tập trung tại các thành phố, các trung tâm công nghiệp và các đồn điền. Mặc dù ra đời muộn, số lượng ít, nhưng giai cấp công nhân Việt Nam mang đầy đủ những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế như: đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần cách mạng triệt để, mang bản chất quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng: phải chịu ba tầng áp bức bóc lột, phần lớn xuất thân từ nông dân, ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc nên nội bộ thuần nhất, không bị phân tán về lực lượng và sức mạnh. Với những đặc điểm ưu việt của mình, giai cấp công nhân Việt Nam sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân hóa thành hai bộ phận. Một bộ phận có lợi ích gắn liền với lợi ích tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp, được gọi là tư sản mại bản. Một bộ phận là tư sản dân tộc, bao gồm những tư sản bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, lệ thuộc, nhỏ bé về địa vị kinh tế. Phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản bao gồm: Trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên. Họ có địa vị kinh tế bấp bênh, luôn bị đe dọa phá sản, bị đế quốc, tư bản chèn ép nên có tinh thần dân tộc, yêu nước, nhạy bén với cái mới, do đó họ đi vào lực lượng cách mạng ngày càng đông đảo.

Dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp và chính quyền tay sai, Việt Nam từ xã hội phong kiến thuần túy trở thành một xã hội thuộc địa. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam cũng thay đổi, ngoài mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến, xuất hiện thêm mâu thuẫn mới là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và chính quyền tay sai. Trong đó mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và chính quyền phong kiến tay sai. Yêu cầu cấp bách đặt ra cho cách mạng Việt Nam lúc này là giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản đó.

c. Các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Ngay từ khi Pháp xâm lược, phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra liên tục, rộng khắp theo nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau.

Các phong trào đấu tranh theo khuynh hướng phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương (1885-1896) của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết diễn ra sôi nổi với các cuộc khởi nghĩa: Ba Đình (Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh). Cuộc khởi nghĩa của

Phan Đình Phùng thất bại năm 1896 là dấu mốc chấm dứt vai trò lãnh đạo của các sĩ phu phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam.

Phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) diễn ra từ 1884-1913 dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám. Nhưng do phong trào mang nặng “cốt cách phong kiến”, không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất với phong trào giải phóng dân tộc nên cuối cùng bị thực dân Pháp dập tắt.

Đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của trào lưu dân chủ tư sản, tiêu biểu là Phan Bội Châu với xu hướng bạo động và Phan Châu Trinh với xu hướng cải cách.

Ngoài ra còn các phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản Việt Nam: phong trào “tẩy chay Khách trú” (1919); phong trào chống độc quyền xuất nhập ở cảng Sài Gòn (1923); đấu tranh trong các hội đồng quản hạt, hội đồng thành phố, đòi cải cách tự do dân chủ tiếp tục phát triển.

Từ trong phong trào đấu tranh, các tổ chức đảng ra đời: Đảng lập hiến (1923); Đảng Thanh niên (3-1926); Đảng thanh niên cao vọng (1926); Việt Nam nghĩa đoàn (1925), sau nhiều lần đổi tên, tháng 7-1928 lấy tên là Tân Việt cách mạng Đảng; trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản, trí thức, Việt Nam Quốc dân Đảng được thành lập (12-1927) tại Bắc Kỳ. Mục đích là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang. Ngày 9-2-1930, với khẩu hiệu “không thành công cũng thành nhân”, cuộc khởi nghĩa Yên Bái nổ ra nhưng nhanh chóng bị thất bại.

Nhìn chung, các phong trào yêu nước Việt Nam thời kỳ này diễn ra rất mạnh mẽ, quyết liệt, liên tục và rộng khắp, tuy nhiên, tất cả đều thất bại do thiếu một đường lối chính trị đúng đắn, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù. Nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

a. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc

Trước yêu cầu cấp thiết của lịch sử dân tộc, với lòng yêu nước sâu sắc, ngày 5-6-1911 Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc tại bến cảng nhà Rồng.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã tác động mạnh tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành. Người đánh giá đây là một cuộc “cách mạng đến nơi”, và hướng sự chú ý của mình tới cuộc cách mạng này, tới nhà nước Nga - Xô viết.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp vì đây là tổ chức chính trị tiên bộ ở Pháp lúc bấy giờ. Tháng 6-1919, các nước thắng trận trong đại chiến thế giới thứ nhất đã tổ chức cuộc họp tại Vécxây (Pháp) để phân chia thị trường thế giới. Thay mặt *Hội những người An Nam yêu nước* ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxây *Bản Yêu sách* gồm 8 điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam. *Bản Yêu sách* không được Hội nghị chú ý, nhưng được báo chí Pháp công bố rộng rãi và gây một tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế.

Tháng 7-1920, Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất Những Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin đăng trên tờ báo L’Humanite’ (Nhân đạo) số ra ngày 16 và 17-7-1920. Qua Luận cương, Người đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp. Nguyễn Ái Quốc cùng với những người bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản - tức là Đảng Cộng sản Pháp. Với sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

b. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng

Về tư tưởng chính trị: Từ giữa năm 1921, tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các nước thuộc địa ở châu Á, Phi, Mỹ La-tinh tham gia thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa, sáng lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ), viết nhiều bài trên các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Thư tín Quốc tế nhằm tố cáo chính sách cai trị, áp bức của chủ nghĩa thực dân Pháp ở các nước thuộc địa. Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Mat-xcơ-va, tham gia nhiều hoạt động như tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản. Năm 1925, cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp* được xuất bản lần đầu tại Pari, đã tố cáo chế độ bóc lột, cai trị của thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa, làm thức tỉnh nhân dân các dân tộc bị áp bức, trong đó có nhân dân Việt Nam.

Đường lối cách mạng được phác thảo rõ nét ở nội dung các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc cho *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên* từ năm 1925 đến năm 1927, được *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông* xuất bản thành sách với tên gọi *Đường Cách mệnh*. Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, thể hiện tư tưởng nổi bật của Nguyễn Ái Quốc trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trong tác phẩm này, Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Về tổ chức, tháng 11-1924, Người đến Quảng Châu, Trung Quốc. Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Hội xuất bản tờ báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận, ngày 21-6-1925 ra số đầu tiên. Báo Thanh niên đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.

Sau khi được thành lập, Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách. Năm 1928, Hội thực hiện chủ trương “Vô sản hóa”, đưa các hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, cùng sống và làm việc với công nhân, đồng thời truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

c. Sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam

Trước năm 1919, phong trào công nhân mang tính chất tự phát, với các hình thức đấu tranh sơ khai như: bỏ trốn tập thể, phá giao kèo, đốt lán trại, đánh cai ký sau đó phát triển thành những hình thức: bãi công, biểu tình.

Từ năm 1919-1925, giai cấp công nhân phát triển nhanh về số lượng, chất lượng. Nhiều cuộc bãi công đã nổ ra, có mục đích chính trị rõ ràng, đánh dấu sự chuyển biến của phong trào công nhân sang thời kỳ đấu tranh tự giác.

Từ năm 1926-1929, với những yêu sách về kinh tế và chính trị bước đầu phong trào công nhân đã có sự liên kết nhiều ngành, địa phương, chứng tỏ trình độ giác ngộ của công nhân đã nâng lên rõ rệt, có sức quy tụ và dẫn đầu phong trào yêu nước nói chung.

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

a. Các tổ chức cộng sản ra đời

Đến năm 1929, các phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào. Trước tình hình đó, tháng 3-1929 Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam được thành lập do Trần Văn Cung làm Bí thư.

Tháng 5-1929, Đại hội đại biểu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng đã xảy ra sự bất đồng giữa các đoàn đại biểu xung quanh việc xúc tiến thành lập Đảng Cộng sản. Ngày 17-6-1929, đại biểu các tổ chức cộng sản ở Bắc kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, xuất bản tờ báo Búa Liềm làm cơ quan ngôn luận và cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng. Tháng 8-1929, những thanh niên yêu nước ở Nam Kỳ theo xu hướng cộng sản đã thành lập *An Nam Cộng sản Đảng*.

Tại Trung Kỳ, Tân Việt Cách mạng Đảng - một tổ chức thanh niên yêu nước chịu tác động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tháng 9-1929, ra tuyên ngôn thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra trong vòng nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam. Tuy nhiên, cả ba tổ chức đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu sự thống nhất về tổ chức. Nhu cầu thành lập một chính đảng cách mạng có đủ khả năng tập hợp lực lượng toàn dân tộc và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày càng trở nên bức thiết đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

b. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23-12-1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập các đại biểu của hai nhóm (Đông Dương và An Nam) họp tại Cửu Long, Hương Cảng (Hồng Kông).

Hội nghị bắt đầu từ ngày 6-1 và ngày 8-2, các đại biểu về nước. Tham dự Hội nghị có 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), và Nguyễn Ái Quốc, đại biểu của Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đã gửi báo cáo cho Quốc tế Cộng sản vào ngày 18-2-1930 nêu rõ: “Chúng tôi họp vào ngày 6-1. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một Đảng. Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản... Các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2” [5]. Ngày 24-2-1930 mở cuộc hội nghị ra quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập vào Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh dấu quá trình hoàn tất việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất.

Về nội dung, Hội nghị đã thông qua Năm điểm lớn do đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề ra, thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.

c. Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Trong những văn kiện được Hội nghị thành lập Đảng thông qua, có hai văn kiện đã phản ánh đầy đủ đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách

mạng Việt Nam, đó là Chánh cương vắn tắt của Đảng và Sách lược vắn tắt của Đảng, hợp thành bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (hay còn gọi là Cương lĩnh Nguyễn Ái Quốc). Nội dung cơ bản như sau:

Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Phương hướng chiến lược đã chỉ rõ tính chất và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho người cày, đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Nhiệm vụ chính trị chủ yếu là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông.

Về kinh tế, thủ tiêu hết quốc trái, thu hết sản nghiệp lớn (công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý. Tịch thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành ngày luật làm tám giờ.

Về văn hóa - xã hội, dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ được bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Về lực lượng cách mạng, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân là lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Đảng phải thu phục được đại bộ phận giai cấp mình, phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày, hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.

Về đoàn kết quốc tế, cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp, “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với những dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp thế giới” [7].

Về vai trò lãnh đạo của Đảng, “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng” [8]. “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng” [9].

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất, dù “vắn tắt” nhưng đã phản ánh một cách đầy đủ những luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh là sản phẩm của sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách sáng tạo, phát triển trong điều kiện lịch sử mới, thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam. Đồng thời, Cương lĩnh đã đánh giá đúng đắn thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đường lối chiến lược, sách lược, phương pháp, nhiệm vụ và lực lượng cách mạng để đưa cách mạng Việt Nam sang một giai đoạn lịch sử mới.

4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước những năm đầu thế kỷ XX, chứng tỏ rằng giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng ra đời đã đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua đã đáp ứng nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản.

Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, là nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935

a. Phong trào cách mạng 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930)

Trên thế giới, những năm 1929-1933, Liên Xô đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước. Các nước tư bản chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng kinh tế trên quy mô lớn với những hậu quả nặng nề, làm cho mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

Ở trong nước, phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng nở rộ liên tiếp nhiều nơi.

Từ tháng 5-1930 đến tháng 9-1930, phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh quyết liệt. Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền thực dân tay sai nhiều nơi bị tê liệt ở cấp huyện và tan rã ở cấp xã. Cách mạng đã giành quyền làm chủ ở một số nơi. Các tổ chức đảng ở những địa phương này chủ động lãnh đạo Ban Chấp hành nông hội đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Các “khu đỏ” tự do hình thành ở nhiều vùng nông thôn của Nghệ An, Hà Tĩnh ... trong đó hình thành một chính quyền cách mạng của nông dân theo hình thức các Ủy ban tự quản kiểu Xô-viết.

Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung mọi lực lượng đàn áp khốc liệt, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cưỡng bức dân cày ra đầu thú, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận. Đầu năm 1931, hàng ngàn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước Việt Nam bị bắt, bị giết hoặc tù đầy. Tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương bị bắt, không còn một ủy viên nào. Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết, bị tổn thất nặng nề. Cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn đấu tranh đầy khó khăn gian khổ.

Mặc dù bị tổn thất nặng nề, nhưng phong trào cách mạng 1930-1931 cũng để lại cho Đảng những bài học kinh nghiệm quý báu về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân,

thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, kết hợp phong trào đấu tranh ở thành thị và nông thôn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10-1930

Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã họp tại Hương Cảng (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Trần Phú. Hội nghị quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương và thông qua Nghị quyết Về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cấp bách của Đảng, Điều lệ Đảng; thảo luận bản Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng).

Luận cương xác định mâu thuẫn giai cấp ở Đông Dương diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc chủ nghĩa.

Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền, có tính chất thổ địa và phản đế. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. “Tư sản dân quyền cách mạng được thắng lợi. Lúc đó sự tranh đấu sẽ thêm sâu, thêm rộng, làm cho cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản. Sẽ nhờ vô sản giai cấp chuyên chính các nước giúp sức cho mà phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là “tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hiện cách mạng ruộng đất một cách triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập” [13]. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít, mật thiết với nhau, có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được các giai cấp địa chủ và làm thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa. Luận cương nhấn mạnh “vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền” [14], là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Về lực lượng cách mạng, giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương xác định điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản. Đảng phải có một đường lối chính trị đúng, kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, từng trải tranh đấu mà trưởng thành.

Về phương pháp cách mạng, “vô trang bạo động giành chính quyền không phải là một việc thường, chẳng những là theo tình thế trực tiếp cách mạng, mà lại phải theo khuôn phép nhà binh, cho nên cần phải chú ý” [15].

Về quan hệ quốc tế, cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế vô sản Đông Dương phải có quan hệ đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản trên thế giới, như là giai cấp vô sản Pháp. “Trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, quần chúng cách mạng Đông Dương lại phải liên lạc với quần chúng cách mạng ở các nước thuộc địa và bán thuộc địa, như là ở Tàu và Ấn Độ, v.v..” [16].

Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng mà Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt đã nêu. Tuy nhiên, Luận cương chưa phân tích và làm rõ mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược, từ đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu, nặng về đấu tranh giai cấp, về cách mạng ruộng đất; đánh giá không đúng vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản,

phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc, cường điệu mặt hạn chế của họ, chưa thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc, cho nên không đề ra liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, tay sai. Từ nhận thức hạn chế như vậy, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 10-1930 đã không chấp nhận những quan điểm đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc trước đó.

b. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng (1932-1935). Đại hội Đảng lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 3-1935)

Trong năm 1931 nhiều cán bộ Trung ương bị bắt và bị giết hại, trong đó có Trần Phú, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt giam.

Năm 1932, Lê Hồng Phong thành lập Ban Chỉ huy ở hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương nhằm khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng trong nước. Tháng 3-1935, Đại hội lần thứ nhất họp ở Ma Cao (Trung Quốc), có 13 đại biểu tham dự Đại hội. Đại hội đề ra ba nhiệm vụ trước mắt:

Một là, củng cố và phát triển Đảng, phát triển lực lượng của Đảng trong các xí nghiệp, nhà máy, đồn điền, hầm mỏ, đường giao thông quan trọng. Đồng thời phải đưa nông dân lao động và trí thức cách mạng đã qua rèn luyện thử thách vào Đảng.

Hai là, đẩy mạnh cuộc vận động thu phục quần chúng, chú ý các dân tộc ít người, phụ nữ, binh lính... Củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng như Đoàn thanh niên cộng sản, Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ. Lập Mặt trận thống nhất phản đế. Thu phục quảng đại quần chúng là một nhiệm vụ trung tâm, căn bản, cần kíp của Đảng hiện thời.

Ba là, mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ cách mạng Trung Quốc...

Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các Nghị quyết về vận động quần chúng. Đại hội bầu Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc được bầu làm ủy viên dự khuyết của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản. Đại hội đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức đảng và phong trào cách mạng quần chúng, đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng lãnh đạo phong trào dân chủ 1936-1939

a. Hoàn cảnh lịch sử

Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và nguy cơ của chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình, an ninh quốc tế. Tháng 7-1935, Quốc tế Cộng sản họp Đại hội lần thứ VII tại Mat-xơ-va xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít.

Ở Việt Nam, để thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế và ngột ngạt về chính trị do chính sách khủng bố trắng của thực dân Pháp gây ra, mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi sau thời gian đấu tranh gian khổ và tranh thủ cơ hội thuận lợi xây dựng, phát triển hệ thống tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng rộng rãi để tăng cường lực lượng cách mạng.

b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

Ngày 26-7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ 2 tại Thượng Hải (Trung Quốc) do Lê Hồng Phong chủ trì. Hội nghị chủ trương “sửa chữa những sai lầm” trước đó và “định lại chính sách mới”. Hội nghị xác định cách mạng ở Đông Dương vẫn là cách mạng tư sản dân quyền có nhiệm vụ phản đế và điền địa, nhiệm vụ trước mắt là: chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai. Yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân Việt Nam là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Hội nghị quyết định “lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ” [17].

Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp. Tại Hội nghị, Hà Huy Tập được bầu làm Tổng Bí thư.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa trong cách mạng ở Đông Dương. Trong Văn kiện “*Chung quanh vấn đề Chiến sách mới*” công bố tháng 10-1936, Đảng nêu quan điểm: Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc đấu tranh chia đất mà ngăn trở cuộc đấu tranh phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước.

Các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (3-1937) và lần thứ tư (9-1937) đã tiếp tục giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược với mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng, đặt ra nhiệm vụ chính trị cụ thể, tập hợp rộng rãi những lực lượng chính trị dù là nhỏ bé, sử dụng các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, phù hợp với mục tiêu cụ thể nhằm động viên hàng triệu quần chúng vào trận tuyến đấu tranh cách mạng.

Tháng 3-1938, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa I quyết định lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp rộng rãi lực lượng, phát triển phong trào và quyết định củng cố và phát triển cơ sở đảng, lập thêm cơ sở mới, bầu Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư thay Hà Huy Tập.

Cuối năm 1938, từ Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc, Người chú ý theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở Đông Dương. Tháng 3-1939, Đảng ra *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*. Tuyên ngôn kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

c. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những nội dung và hình thức đấu tranh phong phú.

Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, từ thành thị đến nông thôn đã lập ra các “Ủy ban hành động” để tập hợp quần chúng và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đông Dương (riêng ở Nam Kỳ đã có 600 Ủy ban hành động).

Bên cạnh đó, Đảng khôn khéo lợi dụng mọi khả năng để xuất bản và lưu hành báo chí công khai. Nhiều báo chí của Đảng và các tài liệu được phổ biến rộng rãi trong quần chúng như: Tin tức, Đòi nay, Tranh đấu, Nhành lúa, Bạn dân, Kinh tế, Dân mới, Phổ thông, Lao động, ... Đặc biệt, báo Dân chúng là cơ quan ngôn luận của Đảng lúc đó mỗi ngày xuất bản từ 5.000 đến

15.000 bản. Năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ xuất bản cuốn sách *Tự chỉ trích* thẳng thắn chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm và chỉ ra những bài học cần thiết trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đây là tác phẩm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, trong đó nhấn mạnh tự phê bình và phê bình để nâng cao năng lực lãnh đạo và bản chất cách mạng của Đảng.

Từ năm 1937-1939, Đảng và Mặt trận dân chủ đã giành được nhiều thắng lợi trong các cuộc tranh cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ, Viện dân biểu Bắc Kỳ, Hội đồng thành phố Hà Nội, Hội đồng quân hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương và đã thắng lợi trong việc bác bỏ dự án tăng thuế thân và thuế điền thổ của Viện dân biểu Trung Kỳ.

Phong trào truyền bá chữ quốc ngữ cũng phát triển mạnh từ năm 1937 nhằm tạo điều kiện để quần chúng hiểu biết về chủ trương, chính sách của Đảng. Do đó, lời cuốn đông đảo quần chúng tham gia với các hình thức tổ chức như Hội Tương tế, Hội Ái hữu, Hội Thể thao, Hội đọc sách báo... Từ đó, Đảng không chỉ đấu tranh cho độc lập dân tộc mà còn đấu tranh cho những quyền lợi thiết thực của nhân dân.

3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

a. Bối cảnh lịch sử

Trên thế giới, ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Đức lần lượt chiếm các nước châu Âu. Tháng 6-1940, Đức tấn công Pháp, chính phủ của Thủ tướng Pétanh (Pe'tain) ký văn bản đầu hàng Đức. Tháng 6-1941, Đức tấn công Liên Xô. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, quân Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển, trong đất liền.

Tại Đông Dương và Việt Nam, bộ máy đàn áp của thực dân Pháp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lưu hành, tàng trữ tài liệu cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ngoài vòng pháp luật, giải tán các Hội hữu ái, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức đó, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người. Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm vơ vét sức người sức của để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc. Ngày 22-9-1940, quân Nhật vượt biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đánh vào Lạng Sơn, chính thức xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng và cầu kết với Nhật thống trị, bóc lột nhân dân Việt Nam, làm cho nhân dân phải chịu cách “một cổ hai tròng”.

b. Chủ trương chiến lược mới của Đảng

Trước tình hình trên, ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng gửi thông báo *Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng*. Thông cáo cho các cấp bộ Đảng vạch ra một số phương hướng và biện pháp cần kíp trước mắt nhằm chuyển hướng các mặt hoạt động.

Tháng 11-1939, Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng xác định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập. Chiến lược cách mạng tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới. Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”. “Tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày” [19]. Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay cho

Mặt trận dân chủ Đông Dương, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương, nhằm chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phát xít, đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.

Hội nghị đánh dấu sự thay đổi cơ bản về chiến lược cách mạng và mở ra một thời kỳ đấu tranh mới - thời kỳ chuẩn bị lực lượng, chuẩn bị điều kiện giành chính quyền về tay nhân dân. Trong thời điểm đó, ngày 17-1-1940, Nguyễn Văn Cừ cùng nhiều cán bộ Trung ương bị địch bắt.

Trước tình hình đó, tháng 11-1940 Hội nghị Trung ương họp lập lại Ban Chấp hành Trung ương (Hội nghị Trung ương lâm thời lần thứ 7). Hội nghị quyết định một số vấn đề cơ bản như cách mạng phản đế và cách mạng điền địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau. Tại Hội nghị, Trung ương Đảng còn trấn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra tại Nghị quyết Trung ương tháng 11-1939.

Trước yêu cầu cấp bách của cách mạng, ngày 28-1-1941, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc về nước. Tại Cao Bằng, tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị nêu rõ: “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập Mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất” [21]. Từ đây, Hội nghị nhận định:

Thứ nhất, mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa Việt Nam với bọn đế quốc phát xít Pháp - Nhật. Do vậy, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng.

Thứ hai, “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp dân tộc giải phóng”. Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất cho công bằng, giảm tô, giảm tức”.

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành đúng đắn chính sách “dân tộc tự quyết”. Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ vào mặt trận Việt Minh. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”.

Thứ năm, sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tinh thần dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung toàn thể dân tộc” [24].

Thứ sáu, xúc tiến ngay công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện tại.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, tháng 5-1941 đã hoàn chỉnh sự thay đổi chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đó là đường lối giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Những quyết định của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định lại quan điểm đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc.

c. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

Phong trào chống Pháp - Nhật

Sau Hội nghị lần thứ 8, ngày 6-6-1941 Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng” [27]. Trong khi đó Pháp - Nhật ngày càng tăng cường đàn áp cách mạng Việt Nam. Ngày 26-8-1941, thực dân Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hoắc Môn, Gia Định. Ngày 6-9-1942, Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo. Tháng 8-1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh trên đường đi Trung Quốc bị quân Trung Hoa dân quốc bắt giữ.

Chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

Về xây dựng lực lượng chính trị, ngày 25-10-1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ *Việt Nam độc lập Đồng Minh (Việt Minh)* ra đời. Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, tỉnh Phúc Yên) nay thuộc Hà Nội đề ra những biện pháp cụ thể để phát triển phong trào quần chúng. Hội nghị chủ trương mở rộng Mặt trận Việt Minh, liên minh với tất cả các đảng phái, các nhóm yêu nước ở trong và ngoài nước chưa gia nhập Việt Minh, xúc tiến cuộc vận động thành lập Mặt trận dân chủ chống Nhật ở Đông Dương, để khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù. Năm 1943, Đảng công bố *Đề cương văn hóa Việt Nam*, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng. Cuối 1944, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời, thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào mặt trận đấu tranh giành độc lập, tự do.

Đảng rất chú trọng *xây dựng và phát triển các căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang*. Tháng 6-1941, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Đội du kích Bắc Sơn được duy trì và đổi tên là Cứu quốc quân. Cứu quốc quân tiến hành tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ từ Cao Bằng khu căn cứ được mở rộng sang các tỉnh Hà Giang, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Hồ Chí Minh ra *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang. Bản Chỉ thị này có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng. Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* do Võ Nguyên Giáp tổ chức đã ra đời và trở thành cơ sở chính trị, vũ trang cho khởi nghĩa sau này. Thực hiện nhiệm vụ, Đội đã đánh thắng đồn Phay Khắt (25-12-1944), và đồn Nà Ngần (26-12-1944). Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao-Bắc-Lạng.

d. Cao trào kháng Nhật cứu nước

Hoàn cảnh lịch sử

Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô đang truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu và giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến về Béclin. Ở Tây Âu, Anh - Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp, tiến quân về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng. Phát xít Nhật ở vào tình thế khốn quẫn, chuyển sang phòng ngự và thất bại liên tiếp. Mâu thuẫn giữa Nhật - Pháp trở nên gay gắt.

Vào 20 giờ ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng, đảo chính lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông

Dương, Pháp chống cự yếu rồi nhanh chóng đầu hàng. Sau đảo chính, Nhật giữ nguyên bộ máy cai trị của Pháp ở Đông Dương để làm tay sai cho chúng.

Ngay đêm ngày 9-3, Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh) do Trường Chinh chủ trì. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ ra chỉ thị *“Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*, chỉ rõ bản chất hành động của phát xít Nhật là đảo chính chứ không phải là cuộc cách mạng. Chỉ thị nhận định, cuộc đảo chính của Nhật lật Pháp dẫn đến khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi, tuy vậy đang có những cơ hội tốt để đi đến chín muồi nhanh chóng. Kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt và duy nhất của cách mạng Đông Dương lúc này là phát xít Nhật. Thay khẩu hiệu *“Đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp”* bằng khẩu hiệu *“Đánh đuổi phát xít Nhật”*. Đồng thời, kêu gọi: *“Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương”* để chống lại chính phủ thân Nhật. Chỉ thị phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Chỉ thị xác định đây là thời kỳ tiền khởi nghĩa, nên phải có những hình thức đấu tranh, tuyên truyền cho thích hợp như đẩy mạnh tuyên truyền vũ trang, biểu tình, tuần hành, bãi công chính trị, phá kho thóc của Nhật để cứu đói, thành lập căn cứ cách mạng sẵn sàng chuyển sang tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện.

Chỉ thị dự kiến thời cơ thuận lợi để tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền như khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, Nhật chống đỡ, phía sau sơ hở. Hoặc cách mạng Nhật bùng nổ, chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật ra đời. Hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940, quân đội viễn chinh Nhật hoang mang, mất tinh thần. Tuy nhiên, không được trông chờ, ý lại vào bên ngoài, mà phải chủ động nắm bắt thời cơ và phải dựa vào sức mình là chính.

Bản Chỉ thị đã thể hiện sự nhận định sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng, nhờ đó thúc đẩy tình thế cách mạng mau chóng chín muồi, là kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân trong cao trào chống Nhật cứu nước, trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Cao trào kháng Nhật cứu nước

Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về nội dung và hình thức.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị tổ chức *Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp*, chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng Việt Nam. Ngày 15-4-1945, Hội nghị quân sự Bắc kỳ do Trường Chinh chủ trì, họp ở Hiệp Hoà, Bắc Giang, quyết định đặt nhiệm vụ quân sự lên hàng đầu, gấp rút chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Hội nghị thống nhất sát nhập Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân và các lực lượng vũ trang khác thành *Việt Nam giải phóng quân*.

Ngày 4-6-1945, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Tổng bộ Việt Minh triệu tập hội nghị để quyết định thành lập khu giải phóng Việt Bắc.

Giữa lúc phong trào đấu tranh của quần chúng cả nước lên cao, thì nạn đói diễn ra nghiêm trọng trong các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ làm hơn 2 triệu đồng bào chết đói. Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của đồng bào, Đảng đề ra chủ trương *“phá kho thóc, giải quyết nạn đói”*.

Thực hiện khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận, mở rộng căn cứ địa cách mạng, thực hiện chiến tranh du kích ở những nơi có điều kiện, kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, chuẩn bị tiến lên tổng khởi nghĩa là điểm độc đáo, sáng tạo của Đảng. Cao trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được

mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

e. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Hoàn cảnh lịch sử

Ngày 9-5-1945, phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng minh. Tháng 8-1945, quân đội Liên Xô đánh bại hơn 1 triệu quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản, Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng minh vô điều kiện. Vào thời điểm này ở Việt Nam, chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim đang hoang mang cực độ, phát xít Nhật đã mất hết tinh thần và gục ngã.

Trước tình hình trên, vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh mà Đảng và nhân dân Việt Nam không thể chậm trễ, không chỉ để tranh thủ thời cơ, mà còn phải khắc phục nguy cơ, đưa cách mạng đến thành công. Ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa ra *Lệnh Khởi nghĩa (Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa)*, kêu gọi nhân dân cả nước nổi dậy tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong toàn quốc.

Ngày 14 và 15-8-1945, Nghị quyết của *Toàn quốc Hội nghị* Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào, do lãnh tụ Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về đối nội và đối ngoại sau khi giành được chính quyền, cụ thể về đối nội sẽ lấy 10 chính sách lớn của Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng. Còn về đối ngoại sẽ thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn, bớt thù; triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù để phân hoá, cô lập chúng; tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô và các lực lượng tiến bộ trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp và Trung Quốc.

Ngày 16 và 17-8-1945, tại Tân Trào, *Quốc dân Đại hội* họp, nhiệt liệt ủng hộ chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và thông qua 10 chính sách của Việt Minh; quyết định lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Từ ngày 14-8, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động, lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam. Từ ngày 14 đến ngày 18-8, ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện.

Tại Hà Nội, ngày 19-8, Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội đã làm chính quyền tay sai Nhật các nơi bị tê liệt, cổ vũ các thành phố khác nổi dậy giành chính quyền. Ngày 23-8, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên - Huế huy động quần chúng từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng.

Ở Nam Kỳ, sáng ngày 25-8, ở Sài Gòn hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa đã chiếm được các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng. Những cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các đô thị đập tan các cơ quan đầu não của kẻ thù có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong cả nước. Từ ngày 27 đến ngày 28-8-1945, tổng khởi nghĩa kết thúc với tỉnh cuối cùng là Hà Tiên (Kiên Giang). Cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đã thành công trên cả nước chỉ trong vòng nửa tháng.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng về Hà Nội. Ngày 28-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam tuyên bố cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chiều ngày 30-8, trước cửa Ngọ Môn, Bảo Đại đọc lời thoái vị và nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”... “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và thực sự đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” [32].

4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Tính chất

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, đã tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc. Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc. Thành lập được chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc, dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Ý nghĩa

Đối với Việt Nam, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là bước nhảy vọt vĩ đại, đánh dấu một cuộc biến đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử tiến hoá của dân tộc, đã đập tan sự thống trị của thực dân Pháp trong 87 năm, lật nhào chế độ quân chủ hàng nghìn năm và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập, tự do, đứng lên làm chủ vận mệnh của mình.

Cách mạng Tháng Tám đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở ra thời kỳ suy sụp, tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới, cổ vũ nhân dân các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng mình, giành độc lập tự do.

Đối với thế giới, Cách mạng Tháng Tám cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức. Thắng lợi đó chứng tỏ rằng, trong thời đại ngày nay, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa, do toàn dân nổi dậy, dưới sự lãnh đạo của một đảng Mác - Lênin với đường lối đúng đắn, có thể giành thắng lợi.

Kinh nghiệm

Thứ nhất, về đường lối chiến lược. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu, nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng. Trên cơ sở khối liên minh công-nông-trí thức vững chắc đã khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Thứ ba, về phương pháp cách mạng. Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, dự đoán đúng thời cơ, chớp lấy thời cơ, hành động mau lẹ, kịp thời, kiên quyết và khôn khéo khi thời cơ xuất hiện.

Thứ tư, về xây dựng Đảng. Xây dựng Đảng cách mạng tiên phong vững mạnh, thống nhất

ý chí và hành động, trung thành tuyệt đối với dân tộc và giai cấp, có đường lối đúng với đội ngũ cán bộ đảng viên kiên cường được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hóa của dân tộc. Nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa đã ra đời, dù trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Suốt 15 năm, Đảng đã lãnh đạo giai cấp và dân tộc hoàn thành mục tiêu giành độc lập, thiết lập nhà nước dân chủ nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Nêu các giai cấp trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, làm rõ đặc điểm của giai cấp công nhân và tư sản?

Câu 2: Các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX diễn ra theo những khuynh hướng chính trị nào? Đại biểu điển hình cho những khuynh hướng đấu tranh đó là ai?

Câu 3: Những dấu mốc quan trọng trong quá trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc và chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 4: Trình bày phương hướng chiến lược, nhiệm vụ, lực lượng cách mạng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên.

Câu 5: Những mốc thời gian tiêu biểu thể hiện sự phát triển của phong trào cách mạng 1930-1931.

Câu 5: Kể tên các phong trào đấu tranh thời kỳ 1936-1939?